

**UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

Số: 429/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lào Cai, ngày 24 tháng 02 năm 2011

**QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
huyện Bảo Yên đến năm 2020**

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 46/2008/QĐ-TTg ngày 31/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lào Cai đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 03/2008/TT-BKH ngày 01/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn chi tiết lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Xét đề nghị của UBND huyện Bảo Yên tại Tờ trình số 179/TTr-UBND ngày 29/11/2010 và ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 653/BC-SKH ngày 30/12/2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Bảo Yên đến năm 2020, với những nội dung chủ yếu như sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Nâng cao sức cạnh tranh kinh tế, tạo sức hấp dẫn trong thu hút đầu tư để nhanh chóng nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, nhất là mạng lưới giao thông, hệ thống thủy lợi, các cụm TTCN.

2. Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế đi liền với nâng cao chất lượng tăng trưởng và tiến bộ công bằng xã hội; thực hiện tốt hơn các chính sách dân tộc, chính sách xoá đói giảm nghèo, chính sách cho các địa phương khó khăn trên địa bàn.

3. Đặt sự phát triển của Bảo Yên trong bối cảnh hội nhập và cạnh tranh quốc tế; trong sự hợp tác chặt chẽ với các huyện, thành phố trong tỉnh Lào Cai để phát triển kinh tế có chất lượng và hiệu quả cao hơn.

4. Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường, cân bằng sinh thái; không làm tổn hại và suy thoái cảnh quan thiên nhiên.

5. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế và củng cố an ninh - quốc phòng, củng cố hệ thống chính trị và nền hành chính vững mạnh.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2020

1. Mục tiêu tổng quát

Phân đấu đến năm 2020, phát triển Bảo Yên trở thành huyện phát triển khá của tỉnh Lào Cai; thị trấn Phố Ràng được mở rộng và phát triển đủ tiêu chí là đô thị loại IV - là trung tâm kinh tế lớn, đô thị hiện đại của tỉnh Lào Cai; trở thành địa bàn quan trọng về giao lưu kinh tế, phát triển công nghiệp, du lịch của tỉnh Lào Cai; các vấn đề văn hóa - xã hội được giải quyết tốt, môi trường sinh thái được bảo vệ, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm, chính trị ổn định.

2. Mục tiêu chủ yếu

2.1. Mục tiêu về tăng trưởng kinh tế:

- Đến năm 2015, phân đấu tổng sản phẩm xã hội (TSP) bình quân đầu người (TSP/người) đạt 34,5 triệu đồng, bằng 108,5% so với mức trung bình của cả tỉnh; đến năm 2020, TSP/người đạt 79,5 triệu đồng, bằng 126,1% so với mức bình quân của tỉnh.

- Phân đấu nhịp độ tăng trưởng bình quân TSP đạt 15,5%/năm giai đoạn 2011 - 2015; và 13,8%/năm giai đoạn 2016 - 2020.

- Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng (VA) của từng khu vực:

+ Tốc độ tăng trưởng bình quân VA khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 23%/năm; và 16,2%/năm ở từng giai đoạn phát triển;

+ Tăng trưởng bình quân VA khu vực nông, lâm nghiệp và thuỷ sản đạt 6%/năm; và 4,2%/năm ở từng giai đoạn phát triển;

+ Tốc độ tăng trưởng bình quân VA khu vực dịch vụ đạt 21,8%/năm; và 18,2%/năm ở từng giai đoạn phát triển.

- Cơ cấu kinh tế của huyện: Đến năm 2015, tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thuỷ sản

- công nghiệp và xây dựng - dịch vụ sẽ là 34,1% - 29,4% - 36,5%; đến năm 2020, tỷ trọng tương ứng: 23,2% - 32,7% - 44,1%.

2.2. Mục tiêu phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội:

- Giai đoạn 2011 - 2015, tốc độ tăng dân số (cả tăng dân số tự nhiên và tăng cơ học) đạt 1,4%/năm; giai đoạn 2016 - 2020 tăng bình quân 1,3%/năm; đến năm 2020 dân số của huyện đạt 89.505 người.

- Tốc độ tăng tỷ lệ dân số đô thị bình quân 20,5%/năm; và 12,5%/năm ở từng giai đoạn phát triển. Tỷ lệ dân số đô thị tăng từ 29,8% năm 2015 và đạt 50,3% vào năm 2020.

- Đến năm 2015, phần đầu 30% số xã đạt tiêu chí về nông thôn mới; đến năm 2020, tỷ lệ này phần đầu đạt 85%.

- Phần đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo mỗi năm từ 6 - 7% theo tiêu chí ở từng thời kỳ.

- Giai đoạn 2011 - 2015, phần đầu tạo việc làm mới bình quân mỗi năm cho khoảng 800 lao động; giai đoạn 2016 - 2020 phần đầu tạo việc làm mới bình quân mỗi năm cho khoảng 1.000 người.

- Đến năm 2015: Phần đầu trên 90% số hộ được sử dụng điện lưới quốc gia; và đạt 100% số hộ có điện sau năm 2016.

- Đến năm 2015, phần đầu tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt trên 30%, đến năm 2020 tỷ lệ này đạt trên 70%.

- Đến năm 2015, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm xuống còn dưới 15%; đến năm 2020 giảm còn dưới 5%.

- Công tác an ninh - quốc phòng, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

2.3. Mục tiêu về bảo vệ môi trường sinh thái:

- Môi trường được bảo vệ, không còn tình trạng ô nhiễm ở các khu, cụm TTCN, các đô thị.

- Đến năm 2015, phần đầu tỷ lệ che phủ của rừng là 55%; đến năm 2020, tỷ lệ này là 60%.

- Đến năm 2015, phần đầu 100% dân cư thành thị được sử dụng nước sạch; trên 90% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; đến năm 2020 phần đầu 100% dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh.

- Đến năm 2015, 100% các cụm TTCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung; trên 90% chất thải rắn được thu gom xử lý; cơ bản chất thải y tế được xử lý; đến năm 2020 phần đầu 100% chất thải rắn được thu gom và xử lý.

- Bảo tồn và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học, các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được bảo tồn và tôn tạo.

III. MỤC TIÊU, PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Ngành công nghiệp - xây dựng

* Mục tiêu phát triển:

- Giai đoạn 2011 - 2015, phần đầu đưa VA ngành công nghiệp - xây dựng (CN-XD) tăng bình quân trên 23%/năm; trong đó tăng trưởng VA công nghiệp khai thác khoáng sản đạt 17,5%/năm; công nghiệp chế biến đạt tốc độ tăng trưởng 23,2%/năm.

- Giai đoạn 2016 - 2020, phấn đấu đưa VA ngành CN - XD tăng bình quân trên 16,2%/năm, trong đó tăng trưởng VA công nghiệp khai thác đạt 9,5%/năm; công nghiệp chế biến đạt tốc độ tăng trưởng là 16,4%/năm.

* Phương hướng phát triển:

- Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp sử dụng nguyên liệu tại chỗ như sản xuất vật liệu xây dựng; chế biến nông, lâm và thủy sản; phân bón.

- Chú trọng phát triển công nghiệp phụ trợ để từng bước tham gia vào chuỗi giá trị sản xuất công nghiệp của các khu (cụm) công nghiệp trên địa bàn tỉnh như Khu công nghiệp Tầng Loỏng, Đông Phố Mới, Bắc Duyên Hải...

- Thu hút đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng các cụm TTCN phục vụ phát triển công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp, làng nghề gắn với quá trình đô thị hóa.

- Phát triển các nghề và làng nghề tiểu, thủ công nghiệp để tận dụng nguồn nguyên liệu và nguồn nhân công tại chỗ, trực tiếp tạo công ăn việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.

- Khai thác có hiệu quả công suất các cơ sở sản xuất tiêu thủ công nghiệp hiện có trên địa bàn huyện; tăng cường các hoạt động xúc tiến, quảng bá, mở rộng thị trường cho các sản phẩm.

- Chú trọng sự phát triển bền vững, giải quyết tốt các vấn đề về an toàn môi trường ngay trong công tác quy hoạch và điều hành để có được sự phát triển bền vững, không để xảy ra các sự cố môi trường sinh thái.

- Triển khai có hiệu quả các đề án phát triển công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp của tỉnh.

2. Đối với ngành nông, lâm nghiệp và thuỷ sản

* Mục tiêu phát triển:

- Giai đoạn 2011 - 2015, tốc độ tăng trưởng VA và giá trị sản xuất (GTSX) ngành nông, lâm nghiệp và thuỷ sản lần lượt đạt 6%/năm và 8,2%/năm, trong đó, tăng trưởng GTSX ngành nông nghiệp đạt 7,8%/năm; ngành lâm nghiệp đạt 8,7%/năm và ngành thuỷ sản đạt 18,5%/năm.

- Giai đoạn 2016 - 2020, tốc độ tăng trưởng VA và GTSX ngành nông - lâm nghiệp và thuỷ sản đạt lần lượt là 4,2%/năm và 6,2%/năm, trong đó, tăng trưởng GTSX ngành nông nghiệp đạt 6%/năm; ngành lâm nghiệp đạt 6,3%/năm và ngành thuỷ sản đạt 10,2%/năm.

* Phương hướng phát triển:

- Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về xây dựng nông thôn mới.

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá, giảm tỷ trọng ngành trồng trọt, tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi trên cơ sở phát triển chăn nuôi làm mũi nhọn trong chuyên dịch cơ cấu nông nghiệp.

- Quy hoạch và xây dựng dự án phát triển vùng cây ăn quả có múi với diện tích 200 ha; trước mắt năm 2011 chọn một số thôn với diện tích 5 - 10 ha để thực hiện mô hình và triển khai rộng những năm tiếp theo.

- Rà soát lại diện tích xây dựng vùng nguyên liệu ổn định 300 - 350 ha, thu hẹp phạm vi diện tích trồng chè từ 12 xã xuống còn 7 - 9 xã để tạo điều kiện cho việc trồng dặm liền vùng, liền khoảnh và thâm canh để nâng cao năng suất chè búp tươi trong những năm tới đây. Lập dự án để xây dựng khoảng 50 ha chè giống mới chất lượng cao gắn với tinh chế.

- Phát triển đàn trâu hàng hoá và xây dựng thương hiệu trâu Bảo Yên. Năm 2011 chọn 01 xã làm điểm, sau đó mở rộng ra các xã khác vào các năm tiếp theo; phát triển chăn nuôi đại gia súc, trong đó thực hiện quy hoạch vùng chăn nuôi, chuyển nhanh sang phương thức chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hình thức công nghiệp và bán công nghiệp.

- Tận dụng mặt nước sông, suối; chuyển diện tích ruộng nước có hiệu quả canh tác thấp sang nuôi trồng thuỷ sản.

- Đẩy mạnh công tác phát triển rừng sản xuất theo hướng thâm canh, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển rừng, xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung có quy mô vừa và lớn nhằm đảm bảo nguyên liệu cho chế biến.

- Củng cố, mở rộng các cơ sở chế biến gắn với quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu như chè, cây ăn quả, bột giấy...; tìm kiếm thị trường tiêu thụ nông, lâm sản cho nông dân; đẩy nhanh quá trình ứng dụng công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông, lâm sản; kết hợp trồng cây thảo quả dưới tán rừng.

3. Phương hướng phát triển các ngành dịch vụ

* Mục tiêu phát triển ngành dịch vụ:

- Giai đoạn 2011 - 2015, phấn đấu tăng trưởng VA toàn ngành dịch vụ đạt 21,8%/năm; tăng trưởng tổng doanh thu bán lẻ hàng hoá và dịch vụ xã hội (BLHH&DV) đạt 30%/năm; doanh thu từ dịch vụ du lịch đạt 15,2%/năm.

- Giai đoạn 2016 - 2020, phấn đấu tăng trưởng VA toàn ngành dịch vụ đạt 18,2%/năm; tăng trưởng tổng doanh thu BLHH&DV đạt 25,2%/năm; doanh thu từ dịch vụ du lịch đạt 13,5%/năm.

* Phương hướng phát triển dịch vụ thương mại:

- Nâng cấp, đầu tư phát triển hệ thống trung tâm thương mại, siêu thị, chợ, cửa hàng; hình thành các trung tâm thương mại, các chợ đầu mối phát luồng tại các vị trí trọng điểm về thương mại trên địa bàn.

- Củng cố và hình thành hệ thống dịch vụ thương mại nông thôn bao gồm mạng lưới chợ, cửa hàng và các hợp tác xã dịch vụ thương mại; chú trọng phát triển các chợ đầu mối tiêu thụ nông sản, chợ trung tâm xã, chợ xã. Phấn đấu đến năm 2015, cơ bản xoá các chợ tạm và đầu tư phát triển các chợ mới ở các khu vực nhân dân có nhu cầu tổ chức chợ.

- Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, dịch vụ và đầu tư, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm, đăng ký nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm.

* Phương hướng phát triển dịch vụ du lịch:

- Phát triển để từng bước đưa ngành du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn với các sản phẩm tiêu biểu là du lịch văn hóa dân tộc, lễ hội truyền thống, du lịch sinh thái.

- Quy hoạch, đầu tư phát triển du lịch tâm linh gắn liền với khu di tích lịch sử Đền Bảo Hà, Đền Phúc Khánh...

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về du lịch; đẩy mạnh hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch, giới thiệu hình ảnh và con người Bảo Yên với các nhà đầu tư, du khách trong và ngoài nước.

- Phát triển du lịch gắn liền với việc bảo vệ, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa.

- Tăng cường công tác đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ hoạt động du lịch.

- Từng bước gắn kết hoạt động du lịch của huyện vào khu (tuyến) du lịch tổng hợp và khu (tuyến) du lịch chuyên đề của tỉnh như: Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái Sa Pa, tuyến du lịch văn hóa dân tộc theo hướng Tây Nam là Bảo Thắng, Bảo Yên và Văn Bàn; khai thác tuyến du lịch trên sông Chảy.

4. Phương hướng phát triển các lĩnh vực xã hội

4.1. Giáo dục - đào tạo:

* Mục tiêu phát triển:

- Đến năm 2020 có 100% số trẻ 5 tuổi được học một năm mẫu giáo; 99,8% trẻ em trong độ tuổi đi học tiểu học và trung học cơ sở.

- Đến năm 2020, có 98% số trẻ em 5 tuổi đạt chuẩn phát triển, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng trong các cơ sở giáo dục mầm non giảm ở mức dưới 10%.

- Đến năm 2020, phấn đấu 100% học sinh tiểu học được học 2 buổi/ngày, 70% học sinh tiểu học được học Tiếng Anh, 50% số học sinh tiểu học được học Tin học.

- Đến năm 2020, 100% số học sinh trung học cơ sở được học Tiếng Anh và Tin học, được trang bị học vấn cơ bản, kỹ năng sống, những hiểu biết ban đầu về công nghệ và nghề phổ thông.

- Đến năm 2015 đạt chuẩn PCGD tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2 ở 12/18 xã, thị trấn, 18/18 xã đạt chuẩn phổ cập mầm non 5 tuổi và tiến tới PCGD THPT ở các xã có điều kiện thuận lợi.

- Đến năm 2015 có 29/75 trường học đạt chuẩn quốc gia, chiếm 38,0% tổng số trường; đến năm 2020 có 45 trường đạt chuẩn quốc gia chiếm 58%.

- Đến năm 2020 có 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên trường học đạt chuẩn về trình độ chuyên môn trở lên, 100% số CBQL được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý và trình độ lý luận chính trị.

- Đến năm 2015 có trên 90% phòng học được xây dựng kiên cố và bán kiên cố; đến năm 2020, 100% phòng học được xây dựng kiên cố, 100% số trường học có phòng học chức năng, phòng thiết bị thí nghiệm, phòng học máy vi tính, đến năm 2020 xây dựng đủ phòng bán trú cho học sinh và nhà công vụ cho giáo viên.

* Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Đến năm 2020, phấn đấu có đủ số giáo viên thực hiện giáo dục toàn diện, dạy học các môn học tích hợp, dạy học 2 buổi/ngày ở phổ thông, đảm bảo tỷ lệ giáo viên trên lớp học và học sinh trên giáo viên.

- Tăng cường công tác bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giáo viên nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở tất cả các cấp học; phối hợp với các trường đại học, cao đẳng tổ chức các chương trình đào tạo đa dạng nhằm nâng cao chuẩn trình độ đào tạo cho đội ngũ nhà giáo; mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý về chuyên môn nhân sự, tài chính, bồi dưỡng chính trị cho đội ngũ cán bộ quản lý các trường học.

- Phát triển mạng lưới trường lớp nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, đặc biệt là các lớp mầm non cắm bản; củng cố mở rộng cơ sở trường lớp nội trú, bán trú dân nuôi, thực hiện tốt các chế độ, chính sách ưu tiên cho học sinh nghèo, học sinh dân tộc thiểu số để tạo điều kiện cho các em học sinh ở xa trường có điều kiện đi học và đạt tỷ lệ chuyên cần cao.

- Phát triển các trung tâm học tập cộng đồng ở các xã, các cụm xã tạo điều kiện cho nhân dân có điều kiện được học tập, bồi dưỡng, trao đổi kiến thức kinh nghiệm trong lao động, sản xuất.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất giáo dục; hoàn thành việc xây dựng chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật cho tất cả các loại hình trường nhằm đảm bảo những điều kiện vật chất cơ bản thực hiện việc đổi mới quá trình dạy học.

- Quy hoạch lại quỹ đất để xây dựng trường học hoặc mở rộng diện tích đất cho các trường học theo hướng đạt chuẩn quốc gia.

- Đầu mạnh chương trình kiên cố hóa trường lớp học, nhà công vụ cho giáo viên, nhà bán trú cho học sinh, ưu tiên cho giáo dục vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, bảo đảm đủ phòng học cho các lớp mầm non, đủ phòng học 2 buổi/ngày cho học sinh,

100% các trường phổ thông đều có đầy đủ các phòng học bộ môn, phòng thiết bị, phòng thư viện và được nối mạng Internet.

- Mở các lớp bồi dưỡng về kỹ thuật nuôi trồng thuỷ sản, chăn nuôi đại gia súc, trồng rau an toàn, trồng và chế biến thuốc lá đáp ứng nhu cầu xã hội cho nhân dân.

4.2. Y tế - dân số và kế hoạch hóa gia đình

* Mục tiêu phát triển:

- Phấn đấu đến năm 2015, tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi giảm dưới 21%, tiêm chủng đầy đủ trẻ em dưới 1 tuổi hàng năm đạt trên 98%; 100% Phòng khám ĐKKV được xây dựng kiên cố và có bác sĩ; 100% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã; trên 30% số trạm y tế có bác sĩ.

- Đến năm 2020, tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 1 tuổi giảm xuống 15%; tiêm chủng đầy đủ cho trẻ em dưới 1 tuổi hàng năm đạt 100%; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn 15%; khám, chữa bệnh bình quân trên 2,6 lần/người/năm; 100% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã thực hiện tốt công tác duy trì chuẩn; có trên 98% các cơ sở chế biến, kinh doanh thực phẩm đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Tăng cường đầu tư xây dựng mới và nâng cấp các cơ sở khám, chữa bệnh; cơ bản hoàn thành hệ thống khám, chữa bệnh từ tuyến huyện đến tuyến xã theo quy hoạch ngành.

* Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Đẩy mạnh công tác xã hội hoá công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân.

- Nâng cao trình độ kiến thức chuyên môn thông qua tăng cường công tác đào tạo nâng cao năng lực quản lý, kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và y đức cho cán bộ y tế từ tuyến huyện đến tuyến xã.

- Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị; thực hiện giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức, biên chế và tài chính cho các đơn vị y tế công lập; khuyến khích các đơn vị y tế công lập mở rộng hoạt động dịch vụ và tăng cường liên doanh, liên kết.

- Đầu tư xây dựng nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện lên quy mô 150 giường bệnh, đầu tư xây dựng mới Phòng khám đa khoa khu vực Nghĩa Đô, hoàn thiện các Phòng khám đa khoa khu vực Bảo Hà và Long Khánh, Thượng Hà đảm bảo có trên 10 giường bệnh và các phòng chức năng đảm bảo đủ điều kiện khám, chữa bệnh ban đầu.

- Đầu tư xây dựng nhà hợp khối cho Trung tâm Y tế dự phòng, Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Trung tâm Vệ sinh an toàn thực phẩm; đầu tư xây dựng nhà làm việc cho Phòng Y tế.

- Đầu tư xây dựng nâng cấp các trạm y tế xã với quy mô 2 nhà cấp IV, 8 phòng (thị trấn Phố Ràng, Long Phúc, Bảo Hà, Vĩnh Yên, Xuân Thượng, Lương Sơn, Điện Quan, Nghĩa Đô, Thượng Hà, Việt Tiến) và được phân kỳ như sau:

+ Giai đoạn 2010 - 2015 xây dựng mới các trạm: Thị trấn Phố Ràng, Nghĩa Đô, Long Phúc, Xuân Thượng, Lương Sơn, Vĩnh Yên, Bảo Hà;

+ Giai đoạn 2015 - 2020 xây dựng mới các trạm: Điện Quan, Thượng Hà, Việt Tiến; nâng cấp, cải tạo các Trạm Y tế Long Khánh, Yên Sơn, Tân Dương theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế.

- Thường xuyên duy trì các phong trào thi đua rèn luyện nâng cao đạo đức nghề nghiệp nhằm xây dựng đơn vị, bệnh viện xuất sắc toàn diện.

- Tăng cường phối kết hợp với các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể tham gia công tác dân số đạt hiệu quả cao; duy trì vững chắc xu thế giảm sinh, duy trì các mô hình truyền thông như Câu lạc bộ không sinh thứ 3, sinh đẻ kế hoạch...

- Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền, giáo dục về chăm sóc sức khoẻ sinh sản - kế hoạch hóa gia đình với những nội dung, hình thức phù hợp với từng vùng, từng khu vực, từng nhóm đối tượng, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số.

4.3. Sự nghiệp văn hoá, thông tin và thể dục, thể thao

* Mục tiêu phát triển:

- Đến năm 2015, phấn đấu 75% tỷ lệ hộ đạt gia đình văn hoá. Đến năm 2020, tỷ lệ này đạt 85%.

- Đến năm 2015, phấn đấu 70% thôn, bản đạt danh hiệu văn hóa; phấn đấu 95% số cơ quan, trường học đạt danh hiệu văn hóa. Đến năm 2020, các chỉ tiêu này lần lượt phấn đấu đạt 75% và 95%.

- Đến 2015, phấn đấu 50% thôn, bản có nhà văn hóa được xây dựng đồng bộ; đến năm 2020 tỷ lệ này là 85%.

- Đến năm 2015, có 80% số trường học có đủ giáo viên chuyên trách TDTT; có 80% hướng dẫn viên, cộng tác viên xã được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ TDTT; có 50% hướng dẫn viên, cộng tác viên TDTT thôn, bản được tập huấn nghiệp vụ. Đến năm 2020, các tỷ lệ này lần lượt: 98%; 85%; 80%.

- Đến năm 2015, phấn đấu 35% đến 40% số xã được xây dựng các điểm tập luyện TDTT. Đến năm 2020, các tỷ lệ này lần lượt là 75%.

- Đến năm 2015, phấn đấu 30% đến 35% nhu cầu dịch vụ TDTT được cung cấp bởi các cơ sở TDTT ngoài công lập; đến năm 2020, mục tiêu phấn đấu đạt là 65%.

* Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, thực hiện tốt cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa.

- Tăng cường đầu tư xây dựng các hệ thống thiết chế văn hóa, ưu tiên đầu tư cho các thiết chế văn hóa phục vụ cộng đồng.

- Tăng cường xây dựng phong trào TDTT; đẩy mạnh công tác xã hội hóa hoạt động TDTT.

4.4. Phát thanh, truyền hình, tuyên truyền, báo chí:

* Mục tiêu phát triển:

- Đến năm 2015, phần đầu 100% số hộ được nghe đài, 99,8% số hộ được xem truyền hình; thời lượng chương trình Đài địa phương (tỉnh) tăng gấp 2 lần, của huyện tăng gấp 1,5 lần.

- Đến năm 2020, phần đầu duy trì 100% số hộ được xem truyền hình và nghe Đài TNVN, Đài PT - TH Lào Cai trong đó có trang địa phương Đài huyện, được bắn lên vina sat đạt 100% số hộ được xem và nghe Đài PT - TH Lào Cai.

* Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Tiếp tục nâng cao chất lượng, thời lượng phát thanh của huyện.

- Đầu tư, nâng cấp đài phát thanh huyện; tiếp tục đầu tư, cấp máy phát hình và trạm truyền thanh không dây cho các trạm trung tâm xã, cụm xã.

4.5. Về lao động, thương binh, xã hội

* Mục tiêu phát triển:

- Tiếp tục thực hiện tốt chính sách chăm sóc người có công; chính sách bảo trợ xã hội; chính sách giảm nghèo; lao động việc làm; phòng, chống tệ nạn xã hội; bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

- Đến năm 2015, tốc độ giảm tỷ lệ hộ nghèo đạt 5%/năm; đến 2020, tốc độ giảm tỷ lệ hộ nghèo đạt 3%/năm.

- Đến năm 2015, phần đầu 100% số người trong độ tuổi lao động có nhu cầu học nghề được đào tạo và tỷ lệ đào tạo lao động có việc làm sau đào tạo đạt 80%. Số người sau đào tạo có việc làm có nhu cầu vay vốn giải quyết việc làm đạt 100% cho người có nhu cầu vay vốn.

Đến năm 2015, 100% các trường mẫu giáo được lắp đặt trang thiết bị vui chơi ngoài trời; 100% các hộ nghèo có nhà tranh tre dột nát được làm nhà theo chính sách.

* Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Triển khai xây dựng Đề án giảm nghèo (2011 - 2015), Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn (2011 - 2020).

- Tăng cường đội ngũ giáo viên dạy nghề có chuyên môn cho Trung tâm dạy nghề của huyện; tăng cường một biện chế quản lý nhà nước chuyên trách về công tác đào tạo nghề cho Phòng Lao động - TB&XH.

- Đầu tư nâng cấp trang thiết bị, phòng thực hành cho Trung tâm dạy nghề của huyện.

5. Phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội

5.1. Phát triển mạng lưới giao thông

* Mục tiêu phát triển:

- Đến năm 2015 phấn đấu 95% hệ thống giao thông huyện, đường liên xã, đường đến trung tâm các xã được nâng cấp chuẩn hóa đạt tiêu chuẩn đường cấp VI miền núi lóng nhựa.

- Đến 2015, trên 60% đường thôn, bản được rải cấp phối; đến năm 2020, phấn đấu trên 95% đường thôn, bản được rải cấp phối và bê tông xi măng.

- Về chất lượng, phấn đấu các trục đường chính của huyện, đường liên xã, đường đến trung tâm các cụm xã đạt tiêu chuẩn đường cấp VI miền núi, nền đường 6 m, mặt đường 3,5 m lóng nhựa.

* Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Đầu tư hoàn thiện, nâng cấp hệ thống đường từ huyện đến trung tâm xã, các tuyến đường liên xã lên đường rải nhựa đạt tiêu chuẩn cấp V. Trước mắt, giai đoạn đến năm 2015, tập trung hoàn thiện, nâng cấp các tuyến Việt Tiến - Lục Yên (6,71 km); tuyến quốc lộ 279 - trung tâm xã Xuân Hòa (12,4 km); mạng lưới đường nội thị thị trấn Phố Ràng. Trong đó có đường tránh nội thị - QL70 (5,8 km); tuyến Minh Tân - Kim Sơn (24,3 km); tuyến Long Phúc - Long Khánh (10 km); tuyến Nghĩa Đô - Tân Tiến (10 km); tuyến đường quốc lộ 70 - xã Lương Sơn (7 km); tuyến cầu treo Phố Ràng - UBND xã Xuân Thượng (4 km), cầu cát qua sông Chảy; tuyến Tả Cù Tỷ - Bản Liền - Tân Tiến - Nghĩa Đô; đường vành đai hậu cứ Lương Sơn; rải nhựa đường Trung tâm huyện qua QL70 - xã Lương Sơn.

- Đẩy nhanh tiến độ nâng cấp rải cấp phối trên toàn huyện đến năm 2015 với chiều dài là (167,9 km).

- Đầu tư xây dựng mở mới và hoàn thiện mạng lưới đường từ trung tâm xã đến các thôn, bản để đến năm 2015 các tuyến sẽ hoàn thành, trong đó: Xã Vĩnh Yên: Lò Vôi - Khuổi Phéc (2,5 km); xã Lương Sơn: Phịa 1 - Bó Deng (4,5 km); xã Xuân Hòa: Chuân - Cuông 2 (5 km), Kệm - Lùng Mận (5,5 km), Nhàm - Khuây Thàng (5,4 km); xã Cam Cộm: Bản Tân Thành - Bông 2 (1,5 km), Ly 1 - trung tâm bản (3,5 km); xã Long Khánh: Bản 4 - Bản 5 (4 km); xã Tân Dương: Bản Lầu - Cau 1 - Cau 2 là 4 km; xã Minh Tân: Bản Mai 1 - Bản Bông (xã Bảo Hà) (5km); xã Kim Sơn: Bản Cao Sơn - Mai Đào (xã Thượng Hà) (5 km); xã Điện Quan: Tuyến Bản 3 - Bản 2 (5 km); xã Thượng Hà: Bản 6 Vài Siêu - Bản 7 Mai Đào (6 km); xã Bảo Hà: Bản Tấp 1 - Tấp 4 là (5,5 km).

- Thực hiện sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên các công trình cầu chủ yếu trên địa bàn huyện như cầu Treo: Cốc Tào, Thác Xa 1, Nà Khương, Bản Lồng, Nà Uốt, Khuổi Vèng, Tặng Què, Làng Là); cầu Thép (Tặng Tồn, Đen, Làng Giang, Việt Hải) và một số cầu khác đảm bảo giao thông suốt 4 mùa.

- Đến năm 2015, hoàn thiện xây dựng bến xe khách tại thị trấn Phố Ràng, quy mô 10.000 m²; quy hoạch, xây dựng một số điểm đón, trả khách ở các trung tâm xã trên các trục giao thông chính trên địa bàn huyện.

5.2. Phát triển hệ thống thủy lợi, cấp thoát nước

* Mục tiêu phát triển:

- Đến năm 2015, phần đầu xây dựng mới và nâng cấp các đầu mối kênh mương, kiên cố hoá đạt 90% và kiên cố hoá kênh mương 85%; đến năm 2020, phần đầu 100% các công trình thủy lợi được đầu tư xây dựng kiên cố.

- Đến năm 2015, phần đầu đảm bảo tưới tiêu chủ động cho 85% diện tích lúa đông xuân, 100% diện tích vụ mùa và 85% diện tích trồng màu; đến năm 2020, phần đầu đảm bảo tưới tiêu chủ động cho trên 95% diện tích lúa đông xuân, trên 100% diện tích vụ mùa và diện tích trồng màu.

- Đến 2015 đạt 90% và đến năm 2020 phần đầu 100% dân số đô thị được dùng nước sạch.

- Đến năm 2015, phần đầu trên 85% và đến năm 2020 đạt 98,9% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh.

* Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Rà soát, tiếp tục thực hiện kiên cố hoá kênh mương theo hướng trọng điểm, các công trình phục vụ diện tích tưới tiêu tập trung, các công trình đầu mối, công trình gắn với quy hoạch sắp xếp dân cư. Đầu tư, xây dựng các công trình thuỷ lợi mới ở vùng cao phục vụ tưới tiêu và cấp nước sinh hoạt cho nhân dân.

- Nâng cấp, tu bổ các công trình đang bị xuống cấp, đẩy mạnh việc kiên cố hoá kênh mương và các công trình thuỷ lợi hiện có, xây dựng các hồ chứa nước vừa và nhỏ cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt dân cư.

- Đảm bảo duy trì cấp nước sinh hoạt cho toàn huyện, đặc biệt là vùng cao và địa bàn thiều nguồn nước về mùa khô bằng các biện pháp tạo nguồn dự trữ nước, đường dẫn nước đảm bảo tối thiểu trong mùa khô 10 - 20 lít/người/ngày.

- Nâng công suất Nhà máy nước tại thị trấn Phố Ràng, công suất 30.000 m³/ngày đêm để cung cấp nước cho thị trấn và các xã lân cận; quy hoạch xây dựng mới một số Nhà máy nước tại các cụm TTCN (Bảo Hà) để cung cấp nước cho cụm TTCN và xã.

5.3. Phát triển mạng lưới điện

- Cải tạo, nâng cấp đầu tư mới lưới 220KV, lưới 110KV, cụ thể: Đầu tư các Trạm biến áp 220/110/35KV-2x125MVA tại các cụm TTCN (thị trấn Phố Ràng, Bảo Hà, Nghĩa Đô) để cung cấp điện cho cụm TTCN.

- Tập trung xây dựng đường điện đến các thôn bản chưa có điện lưới; xây dựng hoàn chỉnh mạng lưới cấp điện cho các trung tâm đô thị (thị trấn, thị tứ, trung tâm cụm xã), các cụm TTCN.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phương hướng tổ chức phát triển trung tâm kinh tế, trục, tuyến động lực phát triển kinh tế

- Vùng trung tâm, động lực phát triển kinh tế - xã hội của huyện bao gồm: Thị trấn Phố Ràng (phấn đấu trở thành thị xã của tỉnh - đô thị loại IV vào năm 2020), thị tứ Bảo Hà (phấn đấu trở thành thị trấn của huyện - đô thị loại V vào năm 2015). Đây sẽ trở thành những trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, thương mại. Ngoài ra, trên địa bàn huyện cần có một số địa bàn trọng điểm khác để làm đòn bẩy phát triển kinh tế: Trung tâm các xã Nghĩa Đô, Xuân Hòa, Long Khánh, Điện Quan, trong đó ưu tiên đầu tư phát triển thị trấn Phố Ràng và thị tứ Bảo Hà, trung tâm xã Nghĩa Đô.

- Hành lang đô thị công nghiệp, dịch vụ thương mại và du lịch bao gồm các đô thị: Thị trấn Phố Ràng, Bảo Hà, xã Nghĩa Đô, Long Khánh, Điện Quan.

2. Về phát triển hệ thống đô thị

- Nâng cấp, mở rộng, phát triển thị trấn Phố Ràng trở thành thị xã Phố Ràng của tỉnh vào năm 2020 (đô thị loại IV). Định hướng quy hoạch mở rộng thị trấn có tính khả thi cao bởi vì thị trấn nằm trên điểm giao của 2 quốc lộ (quốc lộ 70 và 279) nên có thuận lợi trong kết nối với thành phố Lào Cai và các huyện khác trong và ngoài tỉnh.

- Phát triển nâng cấp các thị tứ trở thành đô thị loại IV, bao gồm: Thị trấn Bảo Hà (vào năm 2015), và hoàn thiện xây dựng Trung tâm cụm xã Nghĩa Đô, Long Khánh, Điện Quan (vào năm 2020).

3. Về các vùng dân cư nông thôn

- Xây dựng các trung tâm cụm xã, các xã vùng sâu, vùng xa gắn với việc bố trí lại dân cư trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác sắp xếp bố trí lại dân cư, nhất là các xã vùng cao, đặc biệt khó khăn để ổn định sản xuất và đời sống cho nhân dân, phát triển sản xuất phù hợp với từng địa phương.

- Đến năm 2020, tập trung ưu tiên di dời những hộ trong vùng có nguy cơ thiên tai đe dọa (trên 60 hộ), quy hoạch di dời dân không có đất sản xuất (trên 200 hộ), quy hoạch, di dời các hộ ở phân tán về thôn bản tập trung (trên 200 hộ), quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội thôn mới, điểm mới (trên 250 hộ).

- Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn, tập trung vào đường giao thông liên thôn, hệ thống thuỷ lợi, cấp điện và nước sinh hoạt... tạo điều kiện thuận lợi để người dân khu vực nông thôn phát triển sản xuất.

4. Tổ chức không gian ngành nông, lâm nghiệp và thuỷ sản

- Quy hoạch phát triển nông, lâm nghiệp theo từng tiểu vùng:

+ Tiểu vùng thung lũng sông Hồng (Kim Sơn, Cam Cộn, Bảo Hà): Tiểu vùng này có lợi thế trồng cây công nghiệp hàng năm, cây rau màu có giá trị kinh tế cao và cây ăn quả đặc sản;

+ Tiêu vùng thung lũng sông Chảy (Việt Tiến, Long Phúc, Long Khánh, Lương Sơn, Yên Sơn, Xuân Thượng, Minh Tân, Thượng Hà, thị trấn Phố Ràng, Điện Quan, Tân Dương) có thể mạnh phát triển các loại cây lương thực, cây công nghiệp hàng năm;

+ Tiêu vùng phía Bắc và Đông Bắc có tiềm năng phát triển lúa, ngô, cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả.

- Quy hoạch duy trì vùng sản xuất lúa ở các xã: Xuân Hòa, Nghĩa Đô, Kim Sơn, Bảo Hà, Lương Sơn, Long Khánh.

- Quy hoạch mở rộng diện tích một số cây lương thực tạo đầu vào cho chăn nuôi và công nghiệp chế biến như cây ngô (Thượng Hà, Điện Quan, Bảo Hà, Xuân Hòa), cây sắn (Cam Cộn, Bảo Hà, Xuân Hòa, Minh Tân).

- Quy hoạch mở rộng diện tích cây trồng hàng năm như cây đậu tương (Thượng Hà, Xuân Hòa, Điện Quan, Kim Sơn), cây lạc (Tân Dương, Bảo Hà, Lương Sơn, Vĩnh Yên).

- Quy hoạch mở rộng quy mô vùng sản xuất các loại cây ăn quả, cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao như: Chè chất lượng cao (khoảng 460 ha) ở các xã: Nghĩa Đô, Xuân Hòa, Bảo Hà; cây nhãn, vải ở các xã: Lương Sơn, Bảo Hà; tiếp tục phát triển vùng cam ở xã Việt Tiến.

- Mở rộng diện tích nuôi trồng thuỷ sản đến năm 2015 đạt trên 260 ha và trên 275 ha vào năm 2020 ở các xã Kim Sơn, Bảo Hà, Nghĩa Đô, Yên Sơn.

- Quy hoạch, đầu tư cơ sở hạ tầng để mở rộng diện tích trồng rau, quả xanh dọc 2 bờ sông Hồng và sông Chảy.

- Phát triển chương trình lâm nghiệp vùng núi đất kết hợp phát triển rừng sản xuất với rừng phòng hộ; các sản phẩm lâm sản từ rừng như gỗ, trúc, đặc sản rừng... qua chế biến, tiêu thụ, góp phần xóa đói, giảm nghèo; phát triển vốn rừng, góp phần bảo vệ ngày càng tốt hơn nguồn nước, đất đai, cảnh quan thiên nhiên và củng cố quốc phòng - an ninh.

- Thực hiện chương trình lâm nghiệp vùng núi đá chủ yếu là khoanh nuôi tái sinh rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; xây dựng vốn rừng và sản xuất ra các lâm sản, góp phần xóa đói, giảm nghèo, bảo vệ môi trường, cảnh quan di tích lịch sử, bảo tồn thiên nhiên với loài đặc hữu.

- Thực hiện chương trình lâm nghiệp vùng bình địa xây dựng vốn rừng và sản xuất ra các sản phẩm lâm sản đồ gỗ, đặc sản rừng, giấy các loại... góp phần xóa đói, giảm nghèo và bảo vệ đất đai, môi trường sinh thái.

5. Tô chức không gian phát triển công nghiệp

Để tăng năng suất, hạ giá thành sản phẩm trong sản xuất công nghiệp đòi hỏi hoạt động công nghiệp diễn ra trên một cơ sở kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, gần các

trục, tuyến giao thông hoặc gần đô thị. Mặt khác, sản xuất công nghiệp phải không làm ảnh hưởng đến môi trường sống của nhân dân, môi trường sinh thái. Căn cứ vào dự báo, mục tiêu, phương hướng tổ chức không gian phát triển ngành công nghiệp:

- Phát triển các cụm TTCN của huyện gắn với hệ thống khu, cụm công nghiệp của tỉnh để cùng phát huy được lợi thế so sánh của cả huyện và của tỉnh. Tiến hành xây dựng hoàn chỉnh hệ thống cơ sở hạ tầng ngoài hàng rào các cụm TTCN gắn với bảo vệ môi trường.

- Các cụm TTCN phục vụ hoạt động chế biến nông, lâm và thủy sản được bố trí gần hoặc trong vùng có nguyên liệu nhằm giảm chi phí vận chuyển và ảnh hưởng đến môi trường sống nhân dân.

- Các cụm TTCN thu hút các cơ sở thêu, dệt, may hàng thổ cẩm... được bố trí gần vùng dân cư đông đúc nhằm giảm chi phí đi lại cho công nhân, do đó giảm giá thành và tăng sức cạnh tranh sản phẩm.

- Giai đoạn 2011 - 2015: Tập trung đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng và lắp đầy cụm TTCN thị trấn Phố Ràng; quy hoạch và triển khai xây dựng mới cụm TTCN Bảo Hà, Nghĩa Đô. Mục tiêu các cụm TTCN này là thu hút các nhà chế biến nông, lâm sản; chế biến, tinh luyện khoáng sản...

- Giai đoạn 2016 - 2020, quy hoạch thêm 02 cụm TTCN gắn với các trục giao thông chính (như quốc lộ 70 - thành phố Lào Cai và quốc lộ 279 - Văn Bàn) và sự phát triển hệ thống cụm TTCN mới theo định hướng sau:

- + Bố trí quỹ đất xây dựng cụm TTCN có hạ tầng cơ sở hiện đại nhằm phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ cho các KCN trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

- + Quy hoạch xây dựng 01 cụm TTCN giáp với huyện Văn Bàn, bám quốc lộ 279.

6. Quy hoạch mạng lưới trung tâm thương mại (TTTM), siêu thị, cửa hàng tổng hợp

- Trung tâm thương mại: Đến năm 2015, đầu tư xây dựng 01 Trung tâm thương mại tại thị trấn Phố Ràng; đến năm 2020, phát triển thêm các trung tâm thương mại ở các thị trấn, thị tứ để phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và du khách.

- Siêu thị: Giai đoạn 2011 - 2015, phát triển một số siêu thị tại các khu vực đô thị tập trung dân cư (thị trấn Phố Ràng và thị tứ Bảo Hà); giai đoạn 2016 - 2020, phấn đấu các thị trấn, thị tứ, các trung tâm cụm xã đều có siêu thị đạt tiêu chuẩn.

- Hệ thống chợ: Thực hiện kiên cố hóa hệ thống chợ, phấn đấu đến năm 2015 cơ bản xoá các chợ tạm; hình thành và phát triển mạng lưới chợ theo chức năng như chợ đầu mối tiêu thụ nông sản; ưu tiên phát triển mạng lưới chợ trung tâm huyện, trung tâm cụm xã.

Đầu tư xây dựng công trình chợ trung tâm thị trấn huyện, chợ văn hoá du lịch dịch vụ Bảo Hà; chợ mua bán trâu bò, gia súc tại xã Điện Quan, Vĩnh Yên.

Giai đoạn 2016 - 2020, cải tạo nâng cấp các chợ đang hoạt động, phát triển thêm chợ mới đảm bảo ít nhất mỗi xã có 1 chợ đạt tiêu chuẩn, trước mắt, xây dựng mới chợ Long Khánh và các chợ trung tâm cụm xã.

- Cửa hàng kinh doanh tổng hợp:

+ Đối với khu vực đô thị: Giai đoạn 2011 - 2015, phát triển nâng cao chất lượng hệ thống cửa hàng, chất lượng dịch vụ bán hàng; giai đoạn 2016 - 2020, cơ bản hình thành hệ thống cửa hàng thương mại với quy mô, phương thức phục vụ và hàng hoá chất lượng cao (các cửa hàng tự chọn, chuyên doanh).

+ Đối với khu vực nông thôn, miền núi: Tiếp tục đầu tư phát triển mạng lưới các cửa hàng thương nghiệp gắn với hoạt động của các hợp tác xã dịch vụ thương mại và các chợ trung tâm xã nhằm đảm bảo cung ứng hàng hoá thiết yếu phục vụ nhu cầu sản xuất, tiêu dùng và tiêu thụ nông sản của nhân dân.

7. Quy hoạch lò giết mổ gia súc, gia cầm

Đến năm 2015, xây dựng 1 lò giết mổ gia súc, gia cầm ở khu vực ngoại ô của thị trấn Phố Ràng. Quy mô của một lò giết mổ có diện tích từ 1.000 m² trở lên, xây dựng kiên cố, có đường giao thông ra vào thuận tiện, có bãi để các phương tiện vận chuyển.

8. Quy hoạch mạng lưới xăng dầu

Cải tạo, nâng cấp các cửa hàng xăng dầu hiện có, đầu tư mới các cửa hàng xăng dầu theo quy hoạch; đầu tư hoàn thiện xây dựng 04 cây xăng ở Phố Ràng, Trung tâm xã Nghĩa Đô, Bảo Hà, Long Khánh.

9. Tổ chức không gian phát triển du lịch

Bảo Yên có tài nguyên du lịch khá phong phú. Tuy nhiên, các dịch vụ du lịch trên địa bàn huyện phát triển chưa xứng tầm. Trong thời gian tới, không gian phát triển du lịch được tổ chức theo định hướng sau:

- Phát triển tuyến du lịch trung tâm - du lịch văn hóa - lịch sử: Thị trấn Phố Ràng, đồn Phố Ràng - đền Bảo Hà - đền Phúc Khánh. Đây cũng là tuyến du lịch nằm trong tuyến du lịch hướng về cội nguồn của 3 tỉnh Lào Cai - Yên Bái - Phú Thọ.

- Hình thành tuyến du lịch: Tuyến du lịch Bảo Hà - thị trấn Phố Ràng - Thành cổ Trung Đô, Dinh Hoàng A Tưởng (Bắc Hà). Quy hoạch phát triển tuyến du lịch này nhằm thu hút đối với khách du lịch đi tàu hỏa từ Hà Nội đến ga Bảo Hà.

- Quy hoạch phát triển các điểm du lịch sinh thái (Tân Tiến, Bảo Hà) kết hợp với du lịch văn hóa (Vĩnh Yên, Nghĩa Đô).

V. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về vốn đầu tư phát triển

* Dự báo khả năng huy động vốn đầu tư:

Tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển giai đoạn đến năm 2015 khoảng 8.904,6 tỷ đồng. Trong đó, vốn đầu tư vào ngành CN - XD khoảng 2.963,5 tỷ đồng, chiếm 33,3% tổng số

vốn; ngành nông, lâm nghiệp và thuỷ sản khoảng 2.277 tỷ đồng, chiếm 25,6% tổng vốn; khối kết cấu hạ tầng và dịch vụ khoảng 3.664,1 tỷ đồng, chiếm 41,1% tổng vốn.

Giai đoạn 2016 - 2020, nhu cầu vốn đầu tư phát triển: 18.667,8 tỷ đồng, trong đó vốn đầu tư vào ngành CN - XD khoảng 6.667,3 tỷ đồng, chiếm 35,7% tổng số vốn; ngành nông, lâm nghiệp và thuỷ sản khoảng 2.668 tỷ đồng, chiếm 14,3% tổng vốn; khối kết cấu hạ tầng và dịch vụ khoảng 9.342,5 tỷ đồng, chiếm 50% tổng vốn.

* Các giải pháp tăng cường vốn đầu tư:

- Tăng thu thuế và phí vào ngân sách. Chống thất thu thuế và phí, nuôi dưỡng nguồn thu và tạo nguồn thu mới.

- Đa dạng hóa các hình thức huy động và tạo vốn trong huyện, đặc biệt là huy động tối đa nguồn lực sẵn có của huyện và vốn của các tập đoàn, doanh nghiệp lớn.

- Khai thác tối đa nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ của tỉnh và Trung ương vào phát triển các ngành quan trọng và có lợi thế.

- Tạo thêm nguồn vốn từ quỹ đất để bổ sung thêm vào nguồn vốn ngân sách thông qua việc thực hiện cơ chế đấu giá quyền sử dụng đất để thu hút các nguồn vốn vào xây dựng kết cấu hạ tầng, cụm TTCN...

2. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

* Dự báo dân số, lao động và việc làm:

- Đến năm 2015, dân số trung bình là 83.949 người. Nguồn lao động là 47.218 người, chiếm 56,2% dân số, trong đó số lao động trong độ tuổi lao động là 42.177 người, chiếm 89,3% nguồn lao động. Cơ cấu lao động trong các ngành kinh tế như sau: CN - XD: 5.321 người, chiếm 12,7%; nông, lâm nghiệp và thuỷ sản: 24.335 người, chiếm 58%; dịch vụ: 12.329 người, chiếm 29,4%. Giai đoạn 2011 - 2015, phần đầu thu hút, tạo việc làm mới cho bình quân 800 lao động/năm.

- Đến năm 2020, dân số trung bình là 89.505 người. Nguồn lao động là 51.295 người, chiếm 57,3% dân số, trong đó số lao động trong độ tuổi lao động là 44.769 người, chiếm 87,3% nguồn lao động. Cơ cấu lao động trong các ngành kinh tế như sau: CN - XD: 10.245 người, chiếm 23%; ngành nông, lâm nghiệp và thuỷ sản: 13.665 người, chiếm 30,6%; dịch vụ: 20.682 người, chiếm 46,4%.

- Đến năm 2015, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 30%; đến năm 2020, tỷ lệ này đạt trên 70%.

* Các giải pháp phát triển nguồn nhân lực:

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, trong đó xác định cơ cấu, cấp bậc đào tạo đáp ứng nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- Lập kế hoạch, hỗ trợ tích cực và mở rộng hơn nữa việc đào tạo mới và đào tạo lại đội ngũ doanh gia.

- Thực hiện có hiệu quả chính sách thu hút cán bộ kinh tế, khoa học kỹ thuật, các chuyên gia giỏi, công nhân lành nghề, các nghệ nhân về huyễn.

- Mở rộng hợp tác, liên kết với các cơ sở đào tạo có uy tín để đào tạo lao động kỹ thuật lành nghề.

- Trẻ hoá đội ngũ cán bộ quản lý ngành, tạo điều kiện tham quan, học tập, giao lưu để kịp thời nắm bắt các thông tin về thị trường, công nghệ...

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa về giáo dục, huy động mọi nguồn lực trong xã hội để phát triển đào tạo nghề và giáo dục.

3. Giải pháp phát triển khoa học - công nghệ và bảo vệ môi trường

- Khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn tập trung đầu tư cải tiến công nghệ sản xuất.

- Đầu tư phát triển khoa học và công nghệ, tạo ra bước đột phá về năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa. Giải quyết căn bản được các vấn đề về giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao.

- Liên kết các viện nghiên cứu, các trường đại học, hỗ trợ kinh phí cho các công trình nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp trên địa bàn.

- Kết hợp chặt chẽ giữa đổi mới công nghệ và bảo vệ môi trường. Cần có quy hoạch chung về hệ thống xử lý rác thải công nghiệp và rác sinh hoạt.

- Chú trọng bảo vệ và phát triển vốn rừng bao gồm cả rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng đặc dụng, rừng kinh tế... Có kế hoạch cải tạo đất, chống xói mòn, bạc màu, đẩy mạnh các biện pháp cải tạo và làm giàu đất.

- Có quy chế để bảo vệ môi trường đô thị, các khu dân cư tập trung, các nhà máy công nghiệp, cụm TTCN.

4. Giải pháp tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước

- Tham mưu cho tỉnh và thực hiện tốt nhóm chính sách về phát triển nông nghiệp như: Khuyến khích đầu tư vào sản xuất giống, phát triển chăn nuôi đại gia súc, nuôi trồng thuỷ sản và cây trồng có giá trị kinh tế cao; khuyến khích đầu tư phát triển và nâng cao chất lượng và giá trị kinh tế rừng...

- Tham mưu cho tỉnh và thực hiện tốt nhóm chính sách về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp như: Khuyến khích đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ cho phát triển công nghiệp; khuyến khích đầu tư phát triển nguồn nguyên liệu ổn định và vững chắc cho công nghiệp chế biến...

- Thực hiện tốt nhóm chính sách về phát triển xã hội như: Đẩy mạnh quá trình xã hội hóa giáo dục - đào tạo, y tế, xoá đói giảm nghèo, xây dựng thôn, bản, đời sống văn hoá, đào tạo, thu hút nguồn nhân lực...

5. Các giải pháp tăng cường xoá đói, giảm nghèo

- Thực hiện tốt các chính sách, biện pháp trợ giúp phát triển kinh tế và tiếp cận các dịch vụ xã hội cho người nghèo.
- Nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo và đào tạo nghề nhằm tạo thuận lợi cho người nghèo tham gia vào thị trường lao động.
- Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách xã hội như chăm sóc người có công, bảo trợ xã hội, phòng chống tai tệ nạn xã hội...

6. Giải pháp tăng cường mở rộng kinh tế đối ngoại

- Hợp tác trong lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị: Phối hợp xây dựng các tuyến giao thông, hệ thống thuỷ lợi.
- Hợp tác trong lĩnh vực quy hoạch, đầu tư xây dựng các cụm TTCN, cung cấp dịch vụ, nguồn nguyên liệu và thị trường.
- Hợp tác về trao đổi thông tin và xúc tiến thương mại, tổ chức các cuộc hội chợ, triển lãm; phối hợp tuyên truyền và quảng bá du lịch.
- Hợp tác trong tìm kiếm thị trường tiêu thụ hoặc xuất khẩu nông sản hàng hoá, sản xuất giống cây trồng và con vật nuôi chất lượng cao.
- Hợp tác với trong đào tạo đại học, đào tạo đội ngũ quản trị doanh nghiệp và đào tạo nghề cho người lao động.

7. Tăng cường an ninh - quốc phòng

- Thực hiện tốt chiến lược quốc phòng - an ninh; phát động phong trào quần chúng nhân dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc; kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo an ninh - quốc phòng.
- Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật trong cán bộ, nhân dân; kiên quyết trấn áp và xử lý các loại tội phạm. Đẩy mạnh công tác nắm bắt tình hình cơ sở, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của nhân dân nhằm tạo niềm tin và môi trường xã hội an toàn, trong sạch.

Điều 2. Giao UBND huyện Bảo Yên căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện nêu trong Quy hoạch, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan chỉ đạo việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện theo quy định các nội dung sau:

1. Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp xã, thị trấn; quy hoạch phát triển hệ thống đô thị và các điểm dân cư; quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch phát triển các ngành, các lĩnh vực để bảo đảm sự phát triển tổng thể và đồng bộ.
2. Lập các kế hoạch 5 năm, hàng năm; các chương trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trọng điểm; các dự án cụ thể để tập trung đầu tư, bố trí ưu tiên đầu tư một cách hợp lý.

3. Nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của huyện trong từng giai đoạn, nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch.

Điều 3. Giao các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của mình, hỗ trợ UBND huyện Bảo Yên nghiên cứu lập các quy hoạch nêu tại Điều 1, Điều 2; nghiên cứu xây dựng và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện Bảo Yên trong từng giai đoạn nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, khuyến khích, thu hút đầu tư để bảo đảm thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện nêu trong Quy hoạch. Đẩy nhanh việc đầu tư, thực hiện các công trình, dự án có quy mô, tính chất vùng và quan trọng đối với sự phát triển của huyện Bảo Yên đã được quyết định đầu tư. Nghiên cứu, xem xét điều chỉnh, bổ sung vào các quy hoạch phát triển ngành, kế hoạch đầu tư các công trình, dự án liên quan dự kiến sẽ được đầu tư nêu trong Quy hoạch.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Bảo Yên; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan và các đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Nguyễn Văn Vịnh

**DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU
ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN BẢO YÊN ĐẾN NĂM 2020**

(Kèm theo Quyết định số 429/QĐ-UBND ngày 24/02/2011 của UBND tỉnh Lào Cai)

S TT	Danh mục	Địa điểm	Thời gian	
			2011 - 2015	2016 - 2020
A	Công nghiệp			
I	Xây dựng cụm TTCN Bảo Yên	TT Phố Ràng		
1	San nền cụm TTCN		X	
2	Giải phóng mặt bằng cụm TTCN		X	
3	Đường giao thông nội bộ cụm TTCN			
-	Trục đường chính cụm TTCN		X	
-	Đường nội bộ cụm TTCN			
4	Hệ thống điện cụm TTCN		X	
5	Cáp nước cụm TTCN Phố Ràng		X	
6	Hệ thống thoát nước cụm TTCN		X	
II	Xây dựng cụm TTCN Bảo Hà	Thị tứ Bảo Hà	X	
III	Xây dựng cụm TTCN Long Khánh	Xã Long Khánh	X	
IV	Xây dựng cụm TTCN Điện Quan	Xã Điện Quan	X	
V	Xây dựng cụm TTCN Nghĩa Đô	Thị tứ Nghĩa Đô		X
VI	Xây dựng cụm TTCN Xuân Hoà	Xã Xuân Hoà		X
B	Kết cấu hạ tầng dịch vụ			
1	Trung tâm thương mại thị trấn Phố Ràng	TT Phố Ràng		X
2	Nâng cấp chợ trung tâm thị trấn Phố Ràng		X	
3	Xây dựng các chợ trung tâm cụm xã	TT các cụm xã	X	
4	Xây dựng chợ tại các xã chưa có chợ			X
C	Giao thông			
1	Cầu cống qua sông Chảy	Phố Ràng	X	
2	Đường tránh nội thị Phố Ràng - QL70			
3	Đường D1+N11+N10 Trung tâm xã Bảo Hà			
4	Đường vành đai hậu cứ Lương Sơn - Long Khánh			
5	Đường nội thị Phố Ràng D6 (ngã 3 Thương nghiệp - QL70)			
6	Rải nhựa đường QL 70 - Lương Sơn	Phố Ràng - Lương Sơn	X	
7	Rải nhựa đường Minh Tân - Kim Sơn			
8	Đường trung tâm thị trấn Phố Ràng (tuyến B1+D5+N13)			
9	Nâng cấp đường Bản 9 Mai Đào		X	

10	Nâng cấp đường Bản 8 Mai Đào		X	
11	Nâng cấp đường Bản 1 Làng Vành		X	
12	Nâng cấp đường vào bản Khao A - Khao B xã Điện Quan	Bản Khao A+B - Điện Quan	X	
13	Nâng cấp đường vào bản Nhàm - Thâm Bon - Tông Mo (Mo 1 + Mo 2 + Mo 3) - xã Xuân Hoà	Xã Xuân Hoà	X	
14	Đường bản Tổng Kim - Nậm Xoong xã Vĩnh Yên	Xã Vĩnh Yên	X	
15	Rải nhựa đường Nghĩa Đô - Tân Tiến	Nghĩa Đô - Tân Tiến	X	
16	Rải nhựa đường Phố Ràng - Xuân Thượng - Xuân Hòa	Phố Ràng - Xuân Thượng - Xuân Hòa	X	
17	Rải nhựa đường Phố Ràng - Xuân Thượng	Phố Ràng - Xuân Thượng	X	
18	Rải nhựa đường Xuân Thượng - Việt Tiến	Xuân Thượng	X	
19	Đường giao thông Sơn Hà (Bảo Thắng) - Cam Cộn (Bảo Yên)		X	
20	Nâng cấp, duy tu mạng lưới đường trên địa bàn			X
D	Nông nghiệp và phát triển nông thôn		X	
1	Kè cánh đồng Khuổi Vèng - Soi Bút, xã Vĩnh Yên		X	
2	Kè suối khu trung tâm xã Điện Quan		X	
3	Kè chống sạt lở bản Khuổi Ca, xã Vĩnh Yên		X	
4	Dự án hỗ trợ CTCNSH đồng bào DTTSKK (Công trình CNSH)		X	
5	Công trình kiên cố hóa kênh mương		X	
6	Kè chống sạt lở xã Nghĩa Đô		X	
7	Kè Long Khánh		X	
8	Thuỷ lợi Bản 8 - Vài Siêu - Thượng Hà		X	
9	Thuỷ lợi bản Gia Mải xã Xuân Hoà	Gia Mải - Xuân Hoà	X	
10	Thuỷ lợi bản Qua 2 - xã Xuân Hoà	Thâm Bon - Xuân Hoà	X	
11	Thuỷ lợi Bản 4 + Bản 5 Làng Thâu - Xuân Thượng	Xã Xuân Thượng	X	
12	Thuỷ lợi bản Cán Trại 1 - Tân Tiến	Cán Trại 1 - Tân Tiến	X	
E	Cơ sở hạ tầng đô thị + Quản lý NN			
1	Trụ sở xã Thượng Hà		X	
2	Trụ sở xã Kim Sơn		X	
3	Trụ sở xã Xuân Thượng		X	
4	Nhà làm việc UBND huyện		X	
5	Nhà công vụ Huyện ủy		X	
6	Trụ sở thị trấn Phố Ràng		X	
1	Nhà làm việc UBND huyện	Phố Ràng	X	

7	Bến xe khách TT Phố Ràng		X	
8	Bãi rác thải khu 9 TT Phố Ràng (thay thế bãi rác khu 3)		X	
9	Xây dựng Nhà máy Nước Bảo Hà		X	
10	Nâng cấp Nhà máy Nước TT Phố Ràng		X	
11	Cải tạo hồ khu 3B TT Phố Ràng (gồm nạo vét hồ, kè, đường, khu thể thao...)		X	
-	Nạo vét hồ		X	
-	Kè ven hồ		X	
-	Đường ven hồ		X	
-	Tạo mặt bằng các khu thể thao, ẩm thực...			X
12	Đường Trung tâm thị trấn Phố Ràng (tuyến B1+D5+N13)	TT Phố Ràng	X	
13	Bến xe khách thị trấn Phố Ràng	TT Phố Ràng	X	
14	Chợ Trung tâm thị trấn Phố Ràng	TT Phố Ràng	X	
15	Xây dựng Nhà máy Nước Bảo Hà	TT xã Bảo Hà	X	
16	Nâng cấp Nhà máy Nước TT Phố Ràng	TT Phố Ràng	X	
17	Đường nội thị D6 (ngã 3 Thương nghiệp - Trường THPT số1)			
19	Đường D1+N11+N10 Trung tâm xã Bảo Hà		X	
21	Xây dựng cơ sở hạ tầng thị tứ Bảo Hà	Bảo Hà	X	
20	Xây dựng hạ tầng thị tứ Nghĩa Đô	Nghĩa Đô	X	X
22	Quy hoạch và nâng cấp cơ sở hạ tầng các TT cụm xã	Các TT cụm xã	X	X
F	Giáo dục - đào tạo			
1	Trường Tiểu học Phố Ràng 1 - TT Phố Ràng			
2	Trường Mầm non Cam Cọn			
3	Nhà công vụ Trường Mầm non - Trường Tiểu học số 1 Cam Cọn			
4	Nhà công vụ Trường Mầm non xã Tân Tiến			
5	Nhà công vụ Trường Mầm non - Trường Tiểu học xã Tân Tiến			
6	Trường Tiểu học số 2 xã Cam Cọn			
7	Nhà công vụ Trường Tiểu học số 2 Cam Cọn			
8	Trường THCS xã Thượng Hà			
9	Trường Mầm non Bản Trí xã Long Phúc			
10	Nhà công vụ Trường Tiểu học + Trường Mầm non Bản Trà xã Long Khánh			
11	Trường Tiểu học số 2 Bản Trà trong xã Long Khánh			
12	Trường Mầm non xã Nghĩa Đô			
13	Trường Mầm non Bảo Hà 2	Bông 1 + 2	X	

14	Trường MN Bảo Hà 2	Khoai 2	X	
15	Trường MN Điện Quan	Trường chính	X	
16	Trường MN Điện Quan	Bản Trà	X	
17	Trường MN Điện Quan	Khe Thiều	X	
18	Trường MN Điện Quan	Trang	X	
19	Trường MN Kim Sơn	Bảo Ân	X	
20	Trường MN Kim Sơn	Nhai Thổ 3	X	
21	Trường MN Kim Sơn	Bản 3 AB	X	
22	Trường MN Kim Sơn	Bản 6 AB	X	
23	Trường MN Lương Sơn	Thôn Chiềng 1	X	
24	Trường MN Minh Tân	Trường chính	X	
25	Trường MN Minh Tân	Mai 4	X	
26	Trường MN Nghĩa Đô	Nà Đình	X	
27	Trường MN Tân Dương	Trường chính	X	
28	Trường MN Thượng Hà	Trường chính	X	
29	Trường MN Thượng Hà	6+8 Vài Siêu	X	
30	Trường MN Thượng Hà	3+4 Mai Đào	X	X
31	Trường MN Thượng Hà	8 Mai Đào	X	
32	Trường MN Việt Tiến	Trường chính	X	
33	Trường MN Việt Tiến	Già Thượng	X	
34	Trường MN Vĩnh Yên	Nậm Mược	X	
35	Trường MN Xuân Hòa 1	Nhàm	X	
36	Trường MN Xuân Thượng	Vành 1	X	
37	Trường MN Long Khánh 1	Trường chính	X	
38	Trường MN Long Phúc	Trường chính	X	
39	Trường MN Tân Tiến	Nà Pung	X	
40	Trường MN Tân Tiến	Nậm Hu	X	
41	Trường TH Bảo Hà 1	Trường chính	X	
42	Trường TH Bảo Hà 1	Liên Hải	X	
43	Trường TH Bảo Hà 1	Liên Hải	X	
44	Trường TH Bảo Hà 2	Chùn	X	
45	Trường TH Bảo Hà 2	Chùn	X	
46	Trường TH Bảo Hà 2	Khoai 1+2	X	
47	Trường TH Bảo Hà 2	Khoai 3	X	
48	Trường TH Bảo Hà 2	Khoai 3	X	
49	Trường TH Cam Cọn 1	Tân Thành	X	
50	Trường TH Cam Cọn 1	Tân Thành	X	
51	Trường TH Cam Cọn 1	Bõng	X	
52	Trường TH Cam Cọn 1	Bõng	X	

53	Trường TH Điện Quan	Trường chính	X	
54	Trường TH Điện Quan	Chà	X	
55	Trường TH Điện Quan	Trang	X	
56	Trường TH Điện Quan	Cốc Nghè	X	
57	Trường TH Điện Quan	Đội 5	X	
58	Trường TH Kim Sơn 2	Trường chính	X	
59	Trường TH Kim Sơn 2	Nhai Thổ	X	
60	Trường TH Kim Sơn 2	Tống Phủ	X	
61	Trường TH Kim Sơn 2	Nhai Tển 1	X	
62	Trường TH Kim Sơn 2	Nhai Tển 2	X	
63	Trường TH Kim Sơn 2	Kim Quang	X	
64	Trường TH Minh Tân 1	Trường chính	X	
65	Trường TH Minh Tân 1	Bon 4	X	
66	Trường TH Minh Tân 1	Bản Mông	X	
67	Trường TH Minh Tân 2	Mai 1	X	
68	Trường TH Tân Dương	Mỏ Siêu	X	
69	Trường TH Tân Dương	Làng Rầm	X	
70	Trường TH Tân Tiến	Nà Pung	X	
71	Trường TH Tân Tiến	Nậm Hu	X	
72	Trường TH Tân Tiến	Nậm Rìm	X	
73	Trường TH Tân Tiến	Cán Trải 1	X	
74	Trường TH Tân Tiến	Cán Trải 2	X	
75	Trường TH Tân Tiến	Nậm Bắt	X	
76	Trường TH Thượng Hà 1	Trường chính	X	
77	Trường TH Thượng Hà 1	5 Vài Siêu	X	
78	Trường TH Thượng Hà 1	6 Vài Siêu	X	
79	Trường TH Thượng Hà 2	Thôn 8	X	
80	Trường TH Thượng Hà 2	Thôn 8	X	
81	Trường TH Thượng Hà 2	Thôn 2	X	
82	Trường TH Thượng Hà 2	Thôn 9	X	
83	Trường TH Vĩnh Yên	Nậm Pauen	X	
84	Trường TH Vĩnh Yên	Nậm Kỳ	X	
85	Trường TH Vĩnh Yên	Tổng Kim	X	
86	Trường TH Vĩnh Yên	Nậm Mược	X	
87	Trường TH Xuân Hòa 2	Mo	X	
88	Trường TH Xuân Hòa 2	Trường chính	X	
89	Trường TH Xuân Thượng 1	Vành 1	X	
90	Trường TH Xuân Thượng 2	Thâu 2	X	
91	Trường TH Xuân Thượng 2	Thâu 2	X	

92	Trường TH Xuân Thượng 2	Thâu 1	X	
93	Trường TH Xuân Thượng 2	Thâu 1	X	
94	Trường TH số 1 Xuân Hòa	Nhàm	X	
95	Trường THCS Phố Ràng 2	Trung Tâm	X	
96	Trường THCS Phố Ràng 1	Trung Tâm	X	
97	Trường THCS Bảo Hà 1	Trung Tâm	X	
98	Trường THCS Bảo Hà 1	Trung Tâm	X	
99	Trường THCS Xuân Thượng	Trung Tâm	X	
100	Trường THCS Yên Sơn	Trung Tâm	X	X
101	Trường THCS Yên Sơn	Trung Tâm	X	
102	Trường THCS Kim Sơn 2	Tân Văn	X	
103	Trường THCS Minh Tân	Trường chính	X	
104	Trường THCS Điện Quan	Trung Tâm	X	
105	Trường THCS Xuân Hòa 2	Trường chính	X	
106	Trường THCS Nghĩa Đô	Trung Tâm	X	X
107	Trường THCS Xuân Hòa 1	Trung Tâm	X	
108	Trường THCS Lương Sơn	Trường chính	X	
G	Văn hóa - thể thao			
1	Nhà Thiếu nhi huyện Bảo Yên			
2	Các hạng mục phụ trợ đền Phúc Khánh			
3	Cột ăng ten Phát thanh - Truyền hình	Phố Ràng	X	
4	Nhà văn hóa xã, thôn		X	X
5	Tôn tạo di tích lịch sử Nghĩa đô	Xã Nghĩa Đô	X	
6	Quy hoạch, tôn tạo đền Bảo Hà	Bảo Hà	X	
I	Cáp thoát nước			
1	CNSH bản Thâm Mạ - xã Nghĩa Đô	Thâm Mạ - Nghĩa Đô	X	
2	CNSH bản Nà Pồng xã Vĩnh Yên	Nà Pồng - Vĩnh Yên	X	
3	CNSH bản Nậm Khạo xã Vĩnh Yên	Nậm Khạo - Vĩnh Yên	X	
4	CNSH bản Bon xã Xuân Hoà	Bon - Xuân Hoà	X	
5	CNSH bản Mí 1 + Mí 2 xã Xuân Hoà	Mí 1+ Mí 2 - Xuân Hoà	X	
6	CNSH bản Mười xã Tân Dương	Bản 10 - Tân Dương	X	
7	CNSH bản 2 Nhài Tèn xã Kim Sơn	Nhai Tèn - Kim Sơn	X	
8	CNSH bản Cao Sơn xã Kim Sơn	Cao Sơn - Kim Sơn	X	
9	CNSH bản 4 Nhài Thô xã Kim Sơn	Nhai thô - Kim Sơn	X	
10	CNSH bản 3 xã Long Phúc	Bản 3 - Long Phúc	X	
11	CNSH bản 7 xã Long Phúc	Bản 7 - Long Phúc	X	
13	CNSH bản Vuộc xã Lương Sơn	Bản Vuộc - Lương Sơn	X	
14	CNSH bản Khoai 2 xã Bảo Hà	Khoai 2 - Bảo Hà	X	
15	CNSH bản Khoai 3 xã Bảo Hà	Khoai 3 - Bảo Hà	X	

16	CNSH tổ dân phố 1A - TT Phố Ràng	1A - Phố Ràng	X	
17	CNSH tổ dân phố 8A - TT Phố Ràng	8A - Phố Ràng	X	
18	CNSH bản Cam 3 xã Cam Cọn	Cam 3 - Cam Cọn	X	
K	Y tế			
1	Trạm xá xã Xuân Thượng	Xã xuân thượng	X	
2	Trạm xá xã Lương Sơn	Xã Lương Sơn	X	
3	Trạm xá thị trấn Phố Ràng	TT Phố Ràng	X	
4	Trạm xá xã Long Phúc	Xã Long Phúc	X	
5	Trạm xá xã Vĩnh Yên	Xã Vĩnh Yên	X	
6	Trạm xá xã Việt Tiến	Xã Việt Tiến	X	
7	Trạm xá xã Điện Quan	Xã Điện Quan	X	
8	Trạm Y tế xã Long Khánh	Xã Long Khánh	X	
9	Trạm Y tế xã Xuân Hoà	Xã Xuân Hoà	X	
10	Trạm Y tế xã Việt Tiến	Xã Việt Tiến	X	

* **Ghi chú:** Về vị trí, quy mô, diện tích chiếm đất, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tuỳ thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động các nguồn lực của từng thời kỳ.